

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần X20 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 02 tháng 02 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: X20 Joint Stock Company, tên viết tắt là: GATEXCO 20.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Văn Đô	Chủ tịch
	Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
	Ông Hà Chí Khoa	Ủy viên
	Ông Lê Xuân Tập	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/10/2016)
	Bà Tô Thị Kim Tuyền	Ủy viên
	Ông Phạm Văn Đông	Ủy viên
	Ông Chu Văn Đệ	Ủy viên
	Ông Đỗ Thanh Tùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/10/2016)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Đô	Tổng Giám đốc (Thôi từ ngày 01/01/2017)
	Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
	Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2017)
	Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Xuân Tập	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2016)
	Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
	Ông Chu Văn Đệ	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
	Ông Đỗ Hoàng Sơn	Giám đốc điều hành

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện



Phạm Văn Đô
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Số: 152/2017/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần X20

Kính gửi: **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
 Công ty Cổ phần X20

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần X20, được lập ngày 03/3/2017, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Doanh thu hàng bán phục vụ quốc phòng hàng năm được ghi nhận theo giá bán tạm tính do Bộ Quốc phòng và Tổng cục Hậu cần phê duyệt năm trước đó. Phần chênh lệch giữa giá bán tạm tính đã ghi nhận trong năm và giá chính thức được phê duyệt sẽ được ghi nhận vào doanh thu trong năm khi có quyết định phê duyệt giá chính thức.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần X20 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đinh Văn Thắng
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2015-137-1

Giấy Ủy quyền số: 16/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 05/10/2015 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Thị Mai Hoa

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2015-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		465.329.935.064	621.049.886.213
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.844.073.898	145.435.569.269
1. Tiền	111		23.844.073.898	145.435.569.269
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.338.617.629	244.290.139.597
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	147.031.212.811	202.950.848.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.2	37.745.015.780	33.518.714.478
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	19.562.389.038	8.064.909.520
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(244.333.253)
IV. Hàng tồn kho	140		234.191.471.216	231.130.093.086
1. Hàng tồn kho	141	5.4	239.164.305.326	236.534.253.133
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.4	(4.972.834.110)	(5.404.160.047)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.955.772.321	194.084.261
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	2.955.772.321	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	182.340.258
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	11.744.003
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		226.268.050.798	189.375.212.696
II. Tài sản cố định	220		194.071.909.575	134.637.060.110
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	188.584.593.232	132.455.544.059
- Nguyên giá	222		416.758.012.088	343.503.897.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228.173.418.856)	(211.048.353.359)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.487.316.343	2.181.516.051
- Nguyên giá	228		12.155.336.916	8.563.436.916
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.668.020.573)	(6.381.920.865)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.054.103.944	40.414.805.898
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	22.054.103.944	40.414.805.898
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.659.000.000	1.659.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	1.659.000.000	1.659.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.483.037.279	12.664.346.688
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	8.483.037.279	12.664.346.688
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		691.597.985.862	810.425.098.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	MS	TM	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		431.156.500.999	549.313.398.879
I. Nợ ngắn hạn	310		430.656.500.999	548.813.398.879
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	102.677.839.906	79.627.568.994
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	305.506.317	5.160.085.554
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	7.532.876.460	13.649.444.446
4. Phải trả người lao động	314		38.293.836.660	36.084.256.815
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	4.779.138.352	6.078.234.587
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		63.936.688.497	41.857.123.782
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	20.858.487.963	63.239.218.172
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	191.310.313.024	300.000.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		961.813.821	3.117.466.529
II. Nợ dài hạn	330		500.000.000	500.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	500.000.000	500.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.441.484.863	261.111.700.030
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.15	260.441.484.863	261.111.700.030
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		54.992.472.219	51.270.092.691
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.949.012.644	37.341.607.339
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.585.658.519	2.617.812.061
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		29.363.354.125	34.723.795.278
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		691.597.985.862	810.425.098.909
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Thị Thùy Linh



Tô Thị Kim Tuyến




Phạm Văn Đô

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	1.019.615.140.220	923.296.730.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.16	1.864.974.229	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.16	1.017.750.165.991	923.296.730.013
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	891.587.339.071	808.715.291.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		126.162.826.920	114.581.438.574
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	3.875.338.049	9.666.891.612
7. Chi phí tài chính	22	5.19	267.148.804	49.901.602
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		96.635.245	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.20	17.844.693.123	16.326.576.944
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.20	71.694.034.532	62.182.983.907
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		40.232.288.510	45.688.867.733
11. Thu nhập khác	31	5.21	890.754.270	3.176.788.319
12. Chi phí khác	32	5.21	174.699.519	278.518.806
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		716.054.751	2.898.269.513
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		40.948.343.261	48.587.137.246
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.22	8.084.989.136	11.363.341.968
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		32.863.354.125	37.223.795.278
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.23	1.581	1.790

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Thị Thùy Linh



Tô Thị Kim Tuyền



Phạm Văn Đô

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.948.343.261	48.587.137.246
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		23.123.460.727	15.484.959.355
- Các khoản dự phòng	03		(675.659.190)	(14.708.223.702)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(257.797.024)	(559.342.503)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.541.646.818)	(11.311.779.680)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		59.596.700.956	37.492.750.716
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		40.133.862.226	(145.927.434.080)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.630.052.193)	(4.228.955.054)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		20.405.271.520	8.005.371.287
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.225.537.088	2.303.220.576
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.872.975.121)	(10.764.448.154)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		11.637.871.810	35.844.357.582
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(43.679.826.444)	(44.675.909.093)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		71.816.389.842	(121.951.046.220)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(64.197.608.238)	(83.541.021.926)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		207.687.275	2.447.369.765
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.708.260.853	8.563.909.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(61.281.660.110)	(72.529.742.944)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		126.227.256.622	154.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(234.916.943.598)	(109.000.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.845.611.300)	(24.200.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(132.535.298.276)	20.799.390.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(122.000.568.544)	(173.681.399.164)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		145.435.569.269	318.543.394.857
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		409.073.173	573.573.576
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		23.844.073.898	145.435.569.269

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT






Hoàng Thị Thùy Linh

Tô Thị Kim Tuyền

Phạm Văn Đô

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 02 tháng 02 năm 2015.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: X20 Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: GATEXCO 20.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ năm (05) là: 172.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của Nhà nước	12.371.190	123.711.900.000	71,72%
Vốn góp của Cán bộ, CNV Công ty	3.185.510	31.855.100.000	18,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	500.000	5.000.000.000	2,9%
Vốn góp của các cổ đông khác	1.193.300	11.933.000.000	6,92%
Cộng	17.250.000	172.500.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 35 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong năm 2016: 2.713 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Sản xuất giày dép; May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ cao su; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại; Dụng cụ cuộn tóc kim loại, ô cầm tay kim loại, lược; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Sản xuất thảm, chăn đệm; Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: Sản xuất quần áo chống cháy và bảo vệ an toàn; Sản xuất dây bảo hiểm cho người sửa chữa điện và các dây bảo vệ cho các ngành nghề khác; Sản xuất phao cứu sinh; Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ cá nhân khác (ví dụ mũ thể thao); Sản xuất quần áo amiăng (như bộ bảo vệ chống cháy); Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại khác; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sản cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, giấy thấm sơn, các loại chổi, bàn chải khác... Sản xuất bàn chải giấy, quần áo; Sản xuất găng tay; Sản xuất ô, ô đi nắng, gậy đi bộ; Sản xuất các nút, khóa ấn, khóa móc, khóa trượt; Sản xuất tàu hút xì gà; Sản xuất các sản phẩm cho con người: tàu hút, lược, bình xịt nước hoa, lọc chân không và các bình chân không khác dùng cho cá nhân hoặc gia đình, tóc giả, râu giả, bút kẻ lông mày; Hoạt động nhồi bông thú; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn tổng hợp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, tuyển chọn và cung cấp nhân sự cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động); Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quyền tác giả và giống cây trồng (không bao gồm dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp); Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo (theo quy định của pháp luật hiện hành); Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng; Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Kinh doanh ô tô, xe máy; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2016: May trang phục; Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Công ty có các Chi nhánh hạch toán độc lập:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp May 20B: Số 4 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp may 20C: số 1 Tuệ Tĩnh, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp may Bình Minh: xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần X20 - Xí nghiệp dệt Nam Định: Lô 1 Khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định;

Các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Công ty:

- Xí nghiệp Thương mại: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Xí nghiệp May 3: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội;
- Xí nghiệp Dệt kim: Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.
- Xí nghiệp Đo may Quân đội: Phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 31/12/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại ngày 31/12/2016.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá – 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
01/01/2016	Ngân hàng Vietcombank	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD
31/12/2016	Ngân hàng Vietcombank	22.720 VND/USD	22.790 VND/USD

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)**

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). . Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và theo Thông tư 147/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị Quyền sử dụng lâu dài tại Xí nghiệp may 20B theo Giấy chứng nhận số B.330747 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28/10/1994; Quyền sử dụng đất lâu dài tại lô đất số 1 ngách 64/3 Phan Đình Giót theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-DA00084 cấp ngày 25/02/2016 do Sở tài nguyên môi trường Hà Nội cấp ngày 25/12/2016. Phần mềm kế toán máy được Công ty khấu hao theo đường thẳng trong thời gian 03 năm và TSCĐ vô hình khác (chi phí san lấp để có mặt bằng thuê đất tại Nam Định và tại Xí nghiệp 20B),

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2016 (Số năm)
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	07 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03
Tài sản cố định hữu hình khác	03

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Căn cứ theo quyết định số 2702/2004/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ngày 25/10/2004 về việc ban hành chi tiết việc tiếp tục thực hiện cơ chế khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp Hòa Xá. Công ty được miễn thuế trong 2 năm và miễn giảm 50% thuế TNDN trong 6 năm tiếp theo khi xác định chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại Xí nghiệp dệt Nam Định.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	4.940.269.879	2.004.853.020
Tiền gửi ngân hàng	18.903.804.019	143.430.716.249
Tổng	23.844.073.898	145.435.569.269

5.2 Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	147.031.212.811	202.950.848.852
<i>Pro Sport (HK) Limited</i>	8.098.704.403	982.973.250
<i>Cục Quân nhu</i>	89.560.861.387	167.457.332.814
<i>Poongshin Co., LTD</i>	1.802.562.541	2.066.804.023
<i>Tổng Công ty Đức Giang - CTCP</i>	4.050.329.752	3.912.136.916
<i>Công ty cổ phần Cái Mép</i>	-	1.867.000.000
<i>Công ty TNHH dệt may Hà Nội</i>	-	2.651.297.227
<i>Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu</i>	-	2.043.952.460
<i>Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN</i>	4.567.044.161	-
<i>Công ty TNHH Thịnh Vượng Toàn Cầu</i>	-	2.043.952.460
<i>Công ty TNHH PBH Việt Nam</i>	4.101.347.065	-
<i>Công ty cổ phần 199</i>	4.550.923.792	1.953.349.600
<i>Công ty TNHH MTV Dệt May Sơn Thành</i>	1.550.264.987	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tổng công ty 28</i>	8.398.021.518	-
<i>Các khách hàng khác</i>	20.351.153.205	17.972.050.102
Trả trước cho người bán ngắn hạn	37.745.015.780	33.518.714.478
<i>Công ty CP Nồi hơi Bách Khoa</i>	3.482.863.930	1.220.402.370
<i>Công ty CP tư vấn và Xây dựng ETA</i>	3.427.581.755	1.336.198.000
<i>Công ty CP xây dựng hạ tầng Nam Định</i>	18.487.423.707	12.237.875.462
<i>Công ty CP đầu tư và xây lắp Thành An 386</i>	2.727.529.601	10.854.060.000
<i>Công ty TNHH xây dựng Hùng Long</i>	1.123.853.760	-
<i>Công ty TNHH thương mại - dịch vụ Sao Bắc</i>	-	1.010.677.525
<i>Các khách hàng khác</i>	8.495.763.027	6.859.501.121
Tổng	184.776.228.591	236.469.563.330

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	19.562.389.038	-	8.064.909.520	-
- Ký cược, ký quỹ	1.988.580.735	-	2.929.981.702	-
- Tạm ứng	1.327.975.728	-	1.305.777.500	-
- Phải thu khác	9.991.025.280	-	3.829.150.318	-
Công ty TNHH SX và Xuất nhập khẩu Thanh Xuân	5.100.000.000	-	-	-
Thuế nhập khẩu hàng FOB	3.693.877.176	-	612.448.448	-
Trường mầm non	1.171.019.214	-	-	-
Án phí sơ thẩm vụ kiện Công ty Cái Mép	-	-	56.796.120	-
Bảo hiểm y tế	17.650.973	-	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	8.477.917	-	3.159.905.750	-
Phải thu đối tượng khác	6.254.807.295	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	19.562.389.038	-	8.064.909.520	-

5.4 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	77.105.576.737	(4.972.834.110)	106.993.376.924	(5.404.160.047)
Công cụ, dụng cụ	543.653.604	-	126.953.093	-
Chi phí SX KDDD	94.126.918.843	-	67.519.250.790	-
Thành phẩm	63.448.401.581	-	55.248.203.238	-
Hàng hóa	3.852.193.979	-	6.598.649.833	-
Hàng gửi bán	87.560.582	-	47.819.255	-
Tổng	239.164.305.326	(4.972.834.110)	236.534.253.133	(5.404.160.047)

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	2.955.772.321	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.955.772.321	-
Dài hạn	8.483.037.279	12.664.346.688
Chi phí công cụ dụng cụ	6.308.488.217	9.837.582.865
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.174.549.062	2.826.763.823
Tổng	11.438.809.600	12.664.346.688

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2016	142.568.218.295	177.457.858.541	14.114.422.935	3.065.714.021	6.297.683.626	343.503.897.418
Tăng trong năm	145.436.084.328	61.243.089.638	6.806.954.742	2.033.790.797	-	215.519.919.505
Mua trong năm	-	14.726.366.000	4.638.181.838	1.854.897.342	-	21.219.445.180
XDCB hoàn thành	56.788.529.706	1.051.690.436	-	-	-	57.840.220.142
Điều chuyển nội bộ	88.647.554.622	45.312.785.224	2.073.772.904	178.893.455	-	136.213.006.205
Tăng khác	-	152.247.978	95.000.000	-	-	247.247.978
Giảm trong năm	91.325.107.958	47.985.374.518	2.422.855.404	426.141.455	106.325.500	142.265.804.835
Thanh lý, nhượng bán	2.677.553.336	1.930.525.363	349.082.500	-	-	4.957.161.199
Điều chuyển nội bộ	88.647.554.622	45.312.785.224	2.073.772.904	178.893.455	-	136.213.006.205
Giảm khác	-	742.063.931	-	247.248.000	106.325.500	1.095.637.431
Số dư tại 31/12/2016	196.679.194.665	190.715.573.661	18.498.522.273	4.673.363.363	6.191.358.126	416.758.012.088
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2016	73.570.750.733	123.950.445.381	10.964.377.293	1.278.919.487	1.283.860.465	211.048.353.359
Tăng trong năm	18.109.891.805	47.980.203.421	3.515.567.612	789.471.197	-	70.395.134.035
Khấu hao trong năm	10.057.803.888	10.498.699.972	1.491.385.962	789.471.197	-	22.837.361.019
Tăng khác	-	169.049.878	-	-	-	169.049.878
Điều chuyển nội bộ	8.052.087.917	37.312.453.571	2.024.181.650	-	-	47.388.723.138
Giảm trong năm	10.630.188.136	40.008.042.752	2.278.264.150	247.248.000	106.325.500	53.270.068.538
Thanh lý, nhượng bán	2.578.100.219	2.695.589.181	254.082.500	-	-	5.527.771.900
Điều chuyển nội bộ	8.052.087.917	37.312.453.571	2.024.181.650	-	-	47.388.723.138
Giảm khác	-	-	-	247.248.000	106.325.500	353.573.500
Số dư tại 31/12/2016	81.050.454.402	131.922.606.050	12.201.680.755	1.821.142.684	1.177.534.965	228.173.418.856
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	68.997.467.562	53.507.413.160	3.150.045.642	1.786.794.534	5.013.823.161	132.455.544.059
Tại 31/12/2016	115.628.740.263	58.792.967.611	6.296.841.518	2.852.220.679	5.013.823.161	188.584.593.232

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.7 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2016	8.220.069.196	263.367.720	80.000.000	8.563.436.916
Tăng trong năm	3.591.900.000	-	-	3.591.900.000
Mua trong năm	3.591.900.000	-	-	3.591.900.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	11.811.969.196	263.367.720	80.000.000	12.155.336.916
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2016	6.143.289.964	234.617.720	4.013.181	6.381.920.865
Tăng trong năm	255.046.978	15.000.000	16.052.730	286.099.708
Khấu hao trong năm	255.046.978	15.000.000	16.052.730	286.099.708
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	6.398.336.942	249.617.720	20.065.911	6.668.020.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2016	2.076.779.232	28.750.000	75.986.819	2.181.516.051
Tại 31/12/2016	5.413.632.254	13.750.000	59.934.089	5.487.316.343

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	22.054.103.944	22.054.103.944	40.414.805.898	40.414.805.898
Công trình nhà chung cư	-	-	4.793.342.418	4.793.342.418
Nhà xưởng Xí nghiệp May 20B	59.013.645	59.013.645	20.526.306.479	20.526.306.479
Nhà xưởng Xí nghiệp Dệt Nam Định	5.531.189.481	5.531.189.481	31.610.000	31.610.000
Công trình cải tạo nhà xưởng XN may Bình Minh	5.582.997.727	5.582.997.727	9.429.427.655	9.429.427.655
Công trình cải tạo nhà xưởng XN dệt kim	-	-	1.467.665.455	1.467.665.455
Thiết kế biển quảng cáo khu B	-	-	17.170.323	17.170.323
Dự án cải tạo XN May 20C	10.526.234.981	10.526.234.981	-	-
Dự án cải tạo XN may đo quân đội	354.668.110	354.668.110	4.105.225.709	4.105.225.709
Dự án xây dựng cải tạo khác	-	-	44.057.859	44.057.859
Tổng	22.054.103.944	22.054.103.944	40.414.805.898	40.414.805.898

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ	31/12/2016				01/01/2016			
	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết								
- Công ty Cổ phần 199	33,4%	33,4%	1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-
Tổng			1.659.000.000	1.659.000.000	-	1.659.000.000	1.659.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.10 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	102.983.346.223	102.983.346.223	84.787.654.548	84.787.654.548
Phải trả người bán	102.677.839.906	102.677.839.906	79.627.568.994	79.627.568.994
Công ty CP SX và KD phụ liệu ngành may Hà Nội	253.040.446	253.040.446	2.498.555.530	2.498.555.530
Công ty Cổ phần Tiến Đạt	40.767.600	40.767.600	2.903.062.918	2.903.062.918
Công ty Cổ phần Đầu tư xây lắp dầu khí IMICO	-	-	2.147.136.000	2.147.136.000
Công ty TNHH Dệt may Hoàng Hà	2.588.884.281	2.588.884.281	3.519.914.257	3.519.914.257
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	23.764.038.969	23.764.038.969	16.986.843.144	16.986.843.144
Công ty TNHH MTV Dệt may 7	12.897.715.011	12.897.715.011	3.820.539.032	3.820.539.032
Công ty TNHH SX và KD nguyên liệu may VN	-	-	3.201.004.800	3.201.004.800
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng	1.014.870.440	1.014.870.440	4.525.532.943	4.525.532.943
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ Quang Minh	5.068.210.760	5.068.210.760	-	-
Công ty Cổ Phần dệt May Sông Đào	2.288.055.242	2.288.055.242	2.224.311.811	2.224.311.811
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Hà Song	5.151.924.208	5.151.924.208	351.728.960	351.728.960
Công ty TNHH tổng hợp TM & DV Tuấn Phương	2.400.586.763	2.400.586.763	33.137.500	33.137.500
Các khách hàng khác	47.209.746.186	47.209.746.186	37.415.802.099	37.415.802.099
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	305.506.317	305.506.317	5.160.085.554	5.160.085.554
Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	-	-	-	-
SHINWOO TRADING CO., LTD	107.506.496	107.506.496	-	-
UNIAO SUPRIMENTOS MILITARES LTDA EP	-	-	5.027.167.135	5.027.167.135
Các khách hàng khác	197.999.821	197.999.821	132.918.419	132.918.419
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	102.983.346.223	102.983.346.223	84.787.654.548	84.787.654.548

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
Phải nộp	13.649.444.446	25.832.497.848	31.949.065.834	7.532.876.460
Thuế giá trị gia tăng	5.459.123.668	16.618.381.576	16.365.155.812	5.712.349.432
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.186.455.059	8.263.156.360	14.872.975.121	1.576.636.298
Thuế thu nhập cá nhân	3.865.719	487.679.173	467.341.689	24.203.203
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	452.280.739	232.593.212	219.687.527
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phải thu	11.744.003	11.744.003	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.744.003	11.744.003	-	-

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.430.464.000	4.122.776.376
Tiền thuê đất Quốc phòng	3.161.709.000	3.854.021.376
Tiền thuê nhà	268.755.000	268.755.000
Chi phí khác	1.348.674.352	1.955.458.211
Dài hạn	-	-
Tổng	4.779.138.352	6.078.234.587

5.13 Phải trả khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn	20.858.487.963	63.239.218.172
Kinh phí công đoàn	2.104.728.042	2.512.497.889
Bảo hiểm xã hội	34.294.664	98.872.988
Bảo hiểm y tế	1.504.454	(1.099.122.837)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.717.960.803	61.726.970.132
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>65.155.176</i>	<i>65.155.176</i>
<i>Tài sản thừa do đánh giá lại giá trị dở dang</i>		<i>23.531.121.370</i>
<i>Vật tư chưa có hóa đơn GTGT</i>	<i>1.688.785.240</i>	<i>20.635.706.941</i>
<i>UBND Quận TX-Trung tâm PT quỹ đất và Duy tu CCTĐT</i>	<i>15.744.678.702</i>	<i>16.238.474.504</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>1.219.341.685</i>	<i>1.256.512.141</i>
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Dài hạn	500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	500.000.000	500.000.000
Tổng	21.358.487.963	63.739.218.172

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Phát sinh trong năm				01/01/2016	
	31/12/2016		Số có khả		Số có khả	
	Giá trị		năng trả nợ		năng trả nợ	
Vay						
Vay ngắn hạn	191.310.313.024	191.310.313.024	126.227.256.622	234.916.943.598	300.000.000.000	300.000.000.000
Vay ngắn hạn Cục tài chính Bộ Quốc phòng	180.000.000.000	180.000.000.000	100.000.000.000	220.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	11.310.313.024	11.310.313.024	26.227.256.622	14.916.943.598		
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Tổng	191.310.313.024	191.310.313.024	126.227.256.622	234.916.943.598	300.000.000.000	300.000.000.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp tín dụng số 60315.16.054.5124.TD ngày 7/10/2016; Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng; Dư bảo lãnh tối đa: 30.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; Thời hạn cấp tín dụng: đến hết ngày 30/08/2017; Lãi suất: quy định cụ thể trong giấy nhận nợ từng lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	172.500.000.000	21.816.934.078	636.287.738	61.927.785.520	256.881.007.336
Lãi trong năm	-	-	-	37.223.795.278	37.223.795.278
Điều chỉnh	-	636.287.738	(636.287.738)	-	-
Trích lập các quỹ	-	28.816.870.875	-	(35.159.973.459)	(6.343.102.584)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(24.150.000.000)	(24.150.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2015	172.500.000.000	51.270.092.691	-	37.341.607.339	261.111.700.030
Số dư tại 01/01/2016	172.500.000.000	51.270.092.691	-	37.341.607.339	261.111.700.030
Lãi trong năm nay	-	-	-	32.863.354.125	32.863.354.125
Trích lập các quỹ	-	3.722.379.528	-	(9.605.948.820)	(5.883.569.292)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(24.150.000.000)	(24.150.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư tại 31/12/2016	172.500.000.000	54.992.472.219	-	32.949.012.644	260.441.484.863

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	123.711.900.000	123.711.900.000
Vốn góp của Cán bộ, CNV Công ty	31.855.100.000	31.855.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	11.933.000.000	11.933.000.000
Tổng	172.500.000.000	172.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	172.500.000.000	172.500.000.000
Cổ tức đã chia	24.150.000.000	24.150.000.000
Phân phối các quỹ	9.605.948.820	35.159.973.459

d. Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
Cổ phiếu phổ thông	17.250.000	17.250.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.014.404.721.115	919.663.629.842
Doanh thu hoạt động khác	5.210.419.105	3.633.100.171
Tổng	1.019.615.140.220	923.296.730.013
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.864.974.229)	-
Tổng	(1.864.974.229)	-
Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	1.017.750.165.991	923.296.730.013
Tổng	1.017.750.165.991	923.296.730.013

5.17 Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	890.069.047.653	816.891.965.002
Giá vốn hoạt động khác	1.949.617.355	1.750.277.643
Dự phòng hàng tồn kho	(431.325.937)	(9.926.951.206)
Tổng	891.587.339.071	808.715.291.439

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.708.274.873	8.420.398.560
Lợi nhuận từ hoạt động liên kết với Công ty Xăng dầu Quân đội	118.800.000	118.800.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	564.060.000	298.620.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.892.593	255.499.476
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	428.310.583	573.573.576
Tổng	3.875.338.049	9.666.891.612

5.19 Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	96.635.245	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	170.513.559	14.231.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	35.670.529
Tổng	267.148.804	49.901.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp/ Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí bán hàng	17.844.693.123	16.326.576.944
Chi phí quản lý doanh nghiệp	71.694.034.532	62.182.983.907
Tổng	89.538.727.655	78.509.560.851

5.21 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định, vật tư	266.072.469	2.447.369.765
Cho thuê nhà công vụ, sân tennis, cửa hàng	363.963.991	599.769.626
Thu nhập khác	260.717.810	129.648.928
Tổng	890.754.270	3.176.788.319
Chi phí khác		
Các khoản phạt, truy thu thuế	2.965.594	21.364.691
Chi phí từ hoạt động thanh lý tài sản	171.453.117	193.237.592
Chi phí khác	280.808	63.916.523
Tổng	174.699.519	278.518.806
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	716.054.751	2.898.269.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.22 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.948.343.261	48.587.137.246
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	20.301.977.377	1.683.461.623
Thu nhập từ hàng bán chưa thực hiện	1.716.776.429	1.641.853.945
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	18.566.833.456	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	14.231.073
Tiền phạt về thuế, hải quan, bảo hiểm	-	20.876.605
Các chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	18.367.492	6.500.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm	2.759.422.739	4.759.612.608
Lãi CLTG chưa thực hiện	428.310.583	573.573.576
Cổ tức nhận được	564.060.000	298.620.000
Thu nhập từ hàng bán chưa thực hiện theo BB Thanh tra	1.767.052.156	3.863.090.003
Thu nhập giảm do đã nộp theo QĐ truy thu thuế	-	24.329.029
Tổng thu nhập chịu thuế	58.490.897.899	45.510.986.261
+ Thu nhập chịu thuế 22%	-	45.120.899.981
+ Thu nhập chịu thuế 20%	39.069.143.567	-
+ Thu nhập chịu thuế 10%	854.920.876	-
+ Thu nhập chịu thuế 1%	18.566.833.456	390.086.280
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.084.989.136	10.004.615.253
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 22%	-	9.926.597.997
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.813.828.713	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 10%	85.492.088	-
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 1%	185.668.335	78.017.256
Chi phí thuế TNDN hiện hành được miễn giảm	-	331.956.634
Xí nghiệp Dệt Nam Định	-	331.956.634
Truy thu thuế TNDN theo Thanh tra thuế	-	1.690.683.349
+ Khối cơ quan Công ty	-	1.681.427.146
+ Xí nghiệp May 20B	-	9.256.203
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.084.989.136	11.363.341.968

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2016 bao gồm cả khoản tạm nộp 1% thuế thu nhập doanh nghiệp của khoản tiền thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản. Điều này làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế năm 2016 giảm đi tương ứng số tiền là 185.668.335 đồng.

5.23 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.863.354.125	37.223.795.278
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	5.583.569.292	6.343.102.584
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.583.569.292	6.343.102.584
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.279.784.833	30.880.692.694
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.581	1.790

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
HDQT và BKS	Thù lao và Thu nhập	4.067.096.188	3.594.763.236
Giám đốc điều hành	Thu nhập	358.837.162	316.872.276

Số dư với các bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các khoản phải thu			
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết	4.550.923.792	76.749.330

Giao dịch với bên có liên quan

Mua hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần 199	Mua hàng	12.395.282.652	-
Bán hàng	Tính chất giao dịch	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty Cổ phần 199	Bán hàng	16.952.856.014	2.885.669.455

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Hoàng Thị Thùy Linh

Tô Thị Kim Tuyền

Phạm Văn Đô